

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 6 năm 2023

“V/v ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Bích Thuận;

- Ông Nguyễn Quang Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33 /2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1977, “có mặt”.

Địa chỉ: TDP Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1977, “vắng mặt”.

Địa chỉ: TDP Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kim L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình C kết hôn ngày 02 tháng 07 năm 1999, tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, việc kết hôn là tự nguyện, sau khi kết hôn chị và anh C chung sống và làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2010 thì về TDP Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng bình thường sau đó đến khoảng năm 2016 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng là từ tháng 6 năm 2021, nguyên nhân mâu thuẫn do không tin tưởng

nhau trong vấn đề tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, mặc dù sống cùng nhà nhưng từ tháng 8/2022 không ngủ cùng nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị đã nhiều lần làm đơn ly hôn anh C gửi đến Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, sau đó lại chị lại rút đơn về đoàn tụ, để anh C sửa chữa, tuy nhiên anh C vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, vẫn thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày một trầm trọng không có tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền D, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2006, cháu D đã trưởng thành, đã lao động tự túc nên không đề nghị Tòa án giải quyết, ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu N và không đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình C vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và tại các phiên hòa giải anh trình bày và xác nhận: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị L trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh không tin tưởng chị L, nhiều lần anh ghen tuông vô cớ nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Chị L đã ba lần làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng sau đó lại rút đơn để cho anh cơ hội sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Từ tháng 8/2022 đến nay mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không ngủ chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L.

Về con chung: Anh thừa nhận như chị L trình bày là đúng. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2006 và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Kim L được ly hôn anh Nguyễn Đình C. Về con

chung: Giao cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2006 cho chị L trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Kim L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình C, anh C hiện đang cư trú tại TDP Đại Phúc 1, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Đình C kết hôn với nhau ngày 02 tháng 07 năm 1999 trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn do luật định nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hoàn toàn thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Theo chị L trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C ghen tuông, không tin tưởng chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, mặc dù sống cùng nhà nhưng từ tháng 8/2022 không ngủ cùng nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Theo anh C, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh không tin tưởng chị L trong vấn đề tình cảm, nhiều lần anh ghen tuông nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Chị L khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh C. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng anh C cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân chị L đã rút đơn khởi kiện giải quyết ly hôn tại Tòa nhiều lần để anh C thay đổi, sửa chữa để vợ chồng về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được do anh C không thay đổi vẫn ghen tuông, không tin tưởng chị. Hội đồng xét xử thấy giữa chị L và anh C không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

cần xử cho chị L và anh C được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh C đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền D, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2006, cháu D đã trưởng thành, đã lao động tự túc nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị L và anh C cùng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Yến N, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét nguyện vọng xin nuôi con của các đương sự là chính đáng, nhưng xét về điều kiện nuôi con chung thấy chị L hiện đang có chỗ ở, công việc ổn định, hiện chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH Krico, có địa chỉ tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với mức lương trung bình từ 10 triệu đến 11 triệu đồng/ 1 tháng. Mặt khác, cháu N là con gái đã hơn 16 tuổi, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của cháu N, cháu có nguyện vọng ở với chị L. Bản thân anh C có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh C không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim L được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Kim L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2006. Anh Nguyễn Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai số 0004125 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng